

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009
thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc**

Thực hiện Chương trình công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2019; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc *(sau đây gọi tắt là Kết luận số 57-KL/TW, Nghị quyết số 23-NQ/TW)*, như sau:

I. TÌNH HÌNH KHỎI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Công nhân, viên chức Lâm Đồng có hơn 71.000 người, chiếm trên 5% dân số, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đổi mới; luôn nỗ lực phát huy vai trò nòng cốt trong khối liên minh Công - Nông - Trí; trình độ, năng lực chuyên môn ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; có tư tưởng, chính trị vững vàng, tin tưởng và thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công nhân lao động trong các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng tăng, chất lượng tay nghề được nâng cao, việc làm, thu nhập và đời sống tương đối ổn định, luôn tận tụy, gắn bó với trong công việc, nỗ lực trong lao động, sản xuất, tham gia các phong trào phát triển chung của xã hội.

Nông dân Lâm Đồng chiếm trên 60% tổng số lao động của tỉnh, có nhiều đổi mới, thích ứng mạnh mẽ với nền kinh tế thị trường, chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp với tiềm năng lợi thế của địa phương; hăng hái thi đua sản xuất, năng động, sáng tạo trong tiếp cận, đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, có thương hiệu trên thị trường, đưa Lâm Đồng trở thành địa phương phát triển nông nghiệp mạnh; đời sống đại bộ phận nông dân được cải thiện, ngày càng có nhiều nông dân vươn lên làm giàu, góp phần quan trọng đưa nền nông nghiệp của tỉnh phát triển...

Đội ngũ trí thức Lâm Đồng chiếm hơn 3% dân số, tiếp tục có sự phát triển về số lượng và cơ cấu trên các lĩnh vực; có những đóng góp tích cực và quan trọng trong

các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, lao động sáng tạo, có nhiều giải pháp ứng dụng hiệu quả trong sản xuất và đời sống; tham gia tư vấn phản biện và giám định xã hội, tuyên truyền phổ biến kiến thức, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ngày càng thể hiện rõ vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; gắn bó mật thiết với công nhân, nông dân, người lao động trong quá trình chuyển giao khoa học, kỹ thuật và giữ gìn, phát huy nhiều giá trị văn hóa của các dân tộc trong tỉnh.

Tuổi trẻ Lâm Đồng với hơn 245.000 đoàn viên, thanh niên, phần lớn có tri thức, tiếp nối truyền thống cách mạng, là lực lượng xung kích trên mọi lĩnh vực, có ý chí vươn lên trong công tác, học tập, lao động sản xuất, xuất hiện nhiều tài năng trẻ trong phong trào khởi nghiệp, sáng tạo và hội nhập; mong muốn được các cấp, các ngành định hướng, đào tạo, bồi dưỡng, tạo môi trường, điều kiện để tuổi trẻ phát huy tốt vai trò xung kích, sáng tạo, góp phần xây dựng gia đình, quê hương ngày càng phát triển.

Phụ nữ Lâm Đồng với hơn 50% dân số trong tỉnh, trên 163.000 hội viên, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của phụ nữ Việt Nam, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nhiệt tình, chịu khó, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, là lực lượng nòng cốt trong phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý, phát triển doanh nghiệp, tích cực tham gia hoạt động xã hội, đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cựu chiến binh tỉnh luôn phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tham gia bảo vệ Đảng, chính quyền, là lực lượng nòng cốt trong giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ; đấu tranh chống các âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; tích cực tham gia thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở địa phương...

Đội ngũ Doanh nhân trong tỉnh phát triển nhanh chóng về số lượng, với gần 8.100 doanh nghiệp, không ngừng nỗ lực thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mạnh dạn tìm kiếm thị trường, ứng dụng khoa học - công nghệ, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế; tiếp tục nghiên cứu nhiều sản phẩm mới, tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động, tích cực tham gia công tác xã hội, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Người cao tuổi với trên 90.000 hội viên, là lực lượng có vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội, với tinh thần “Tuổi cao - Gương sáng”, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tham gia xây dựng

Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị ở cơ sở, thực hiện phương châm sống vui, sống khỏe, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh với 43 dân tộc anh em, chiếm tỷ lệ 24,1% dân số, trong đó các dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm hơn 17%, có tinh thần đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước; tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo, giữ gìn bản sắc văn hóa, từng bước xóa bỏ tập tục lạc hậu, tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, cảnh giác, đấu tranh với các thế lực thù địch, đời sống, vật chất và tinh thần ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Đồng bào các tôn giáo Lâm Đồng với gần 800.000 tín đồ, chiếm tỷ lệ khoảng 67% dân số, tiếp tục phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc, đồng thuận, tham gia tích cực phong trào thi đua yêu nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng cộng đồng, quê hương ngày càng giàu mạnh.

Đồng bào Lâm Đồng sống ở nước ngoài có hơn 45.000 người, luôn hướng về quê hương, ngày càng tin tưởng vào công cuộc đổi mới đất nước, có những đóng góp thiết thực trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về đất nước và con người Việt Nam, về thành phố Đà Lạt và quê hương Lâm Đồng.

Nhìn chung các giai cấp, thành phần, lực lượng trong xã hội tiếp tục có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, vững tin vào công cuộc đổi mới của đất nước, của địa phương Lâm Đồng, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường, đồng thuận xã hội được phát huy, chung sức, đồng lòng, vượt qua khó khăn, thử thách, tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng Lâm Đồng ngày càng phát triển toàn diện, bền vững.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận số 57, Nghị quyết số 23

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 28/5/2003 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ngày 03/3/2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW. Đồng thời ban hành nhiều chương trình hành động thực hiện Nghị quyết,

chỉ thị về công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, trí thức, người cao tuổi, dân tộc, tôn giáo...

Trên cơ sở Nghị quyết, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã triển khai thực hiện, xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể; đề ra các chỉ tiêu phấn đấu phù hợp với đặc điểm tình hình, thực tiễn của từng ngành, địa phương, cơ sở. UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo. Tích cực chỉ đạo việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác dân vận chính quyền trong các cơ quan nhà nước, cải cách hành chính... Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Đồng thời, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức; về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, về công tác thanh niên có hiệu quả trong toàn tỉnh.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Kết luận, Nghị quyết; đồng thời, coi công tác đoàn kết tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân trong toàn tỉnh là nhiệm vụ quan trọng then chốt trong hoạt động hàng năm.

2. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt quán triệt, triển khai Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TU, Kết luận số 57-KL/TW và Kế hoạch số 72-KH/TU; giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết, Chương trình hành động trong toàn tỉnh; chỉ đạo các cấp ủy đảng, MTTQ và các đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch, chương trình phối hợp tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kết quả, có trên 90% cán bộ, đảng viên và nhân dân được học tập, quán triệt Nghị quyết, Kết luận.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp Đảng đoàn MTTQ Việt Nam tỉnh hướng dẫn các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các văn bản của Trung ương và Tỉnh về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp với từng nhóm đối tượng. Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH tỉnh đã phối hợp xây dựng các chuyên trang, chuyên mục như: Người tốt, việc tốt, Dân vận khéo, Gương sáng đời thường... biểu dương các gương điển hình trong các tầng lớp nhân dân về làm kinh tế giỏi, về thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

3. Công tác phối hợp, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận, Nghị quyết.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì phối hợp thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kịp thời. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết được đưa vào kế hoạch công tác hàng năm của cấp ủy.

Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết theo quy định. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo, tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết vào năm 2005, sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết vào năm 2008. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết được tiến hành từ cơ sở đến tỉnh, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Các huyện ủy, thành ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thực hiện kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nghiêm túc, chặt chẽ, có chất lượng, theo quy định, phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị, địa phương. Nhìn chung các đơn vị, địa phương đều tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được qua các đợt sơ kết 02 năm, 05 năm, kịp thời đề ra các giải pháp tích cực nhằm thực hiện tốt Nghị quyết ở địa phương, cơ sở.

Năm 2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU, ngày 01/3/2019 về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; yêu cầu các địa phương, đơn vị tiến hành tự kiểm tra và xây dựng báo cáo tổng kết. Đến nay, các đơn vị, địa phương đã hoàn thành công tác tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết, Kết luận, đánh giá rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, nêu lên kinh nghiệm thực tiễn và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong tình hình mới.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội

Cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết lãnh đạo thực hiện tốt công tác xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của địa phương. Tập trung xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng - an ninh và nhiều chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị¹.

Qua 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị, trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn chung của đất nước, địa phương, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã chung sức, đồng lòng cùng với Đảng bộ, chính quyền phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, vượt qua khó khăn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kinh tế - xã hội toàn tỉnh có sự phát triển nhanh chóng, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ bản đáp ứng như cầu xã hội; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc... Đến năm 2018, tổng sản phẩm trong nước GRDP

(theo giá SS 2010) tăng 8,59%, tổng thu NSNN trên địa bàn 7.100 tỷ đồng (bằng 105% dự toán địa phương). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, sản xuất nông nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, ngành công nghiệp, xây dựng và lĩnh vực thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển; kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh; lượng khách du lịch, nhất là khách quốc tế, khách qua lưu trú tăng khá so với cùng kỳ (năm 2018 đạt 6.505,5 ngàn lượt khách). Đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người đạt 59,74 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,85%, riêng đồng bào dân tộc thiểu số còn 8,5%.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng phát triển. Kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa, nước sinh hoạt, sản xuất đã được đầu tư xây dựng ở hầu hết các địa phương, tỷ lệ một số chỉ số xã hộiⁱⁱ tăng cao. Công tác bảo đảm an sinh xã hội, bảo trợ, chính sách cho người có công tiếp tục được quan tâmⁱⁱⁱ; các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo đạt kết quả tích cực^{iv}. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tiếp tục được triển khai có hiệu quả; đến cuối năm 2018, tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 88,5%, tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa 93%, tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 75%, tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 83,8%, cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 94%. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng, đã thành lập và đưa Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng đi vào hoạt động, đồng thời củng cố, kiện toàn Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại cấp huyện và cấp xã; giữ vững quốc phòng an ninh. Công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được chú trọng.

Quốc phòng, an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, thực hiện tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, tuyển sinh quân sự đúng quy trình, quy định. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương cơ bản ổn định, nhân dân các dân tộc trong tỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; tích cực lao động sản xuất và tham gia các phong trào thi đua yêu nước của Trung ương, tỉnh; đoàn kết, chung sức, đồng lòng và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền địa phương.

2. Về phát triển các vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo

- Thực hiện chính sách dân tộc:

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên; Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 31/10/2006 về tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2006-2010; UBND tỉnh ban hành quyết định số 510/QĐ-UB về

chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU; đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành các quyết định để thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số^v. Ngày 08/10/2018, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030, mở ra thời kỳ phát triển mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

Những năm qua, bằng nhiều nguồn lực tỉnh Lâm Đồng đã tập trung đầu tư toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, bộ mặt nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhiều thay đổi, sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống của đại bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng khá hơn. Nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã biết tận dụng đất đai, lao động, các điều kiện khác để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, đa dạng về giống cây trồng vật nuôi. Nhiều vùng chuyên canh cây rau thương phẩm, cà phê, chè, điều, tiêu... đã hình thành và phát triển. Đặc biệt, một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà... đã biết chuyển sang trồng rau thương phẩm, trồng hoa xuất khẩu để tăng thu nhập và làm giàu. Tổng sản lượng lương thực toàn vùng năm sau tăng hơn năm trước; xuất hiện nhiều mô hình sản xuất mang lại hiệu kinh tế cao. Các chính sách về trợ giá, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ tín dụng tạo điều kiện giảm chi phí đầu vào cho sản xuất, nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, số hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể, hộ giàu tăng lên hàng năm, cụ thể: cuối năm 2003, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 24% (theo tiêu chí mới), đến cuối năm 2018, giảm còn 8,5%, không còn hộ đói; 100% số xã có điện lưới quốc gia, trên 70% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được dùng điện; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được cả hai mùa khô và mùa mưa, nhiều xã vùng sâu, vùng xa đã có đường bê tông nhựa.

Chương trình 135: Tổng vốn đầu tư 907.973 triệu đồng tập trung cho các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), thôn đặc biệt khó khăn với trên 1.237 công trình lớn nhỏ được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, hỗ trợ phát triển sản xuất cho 29.892 lượt hộ dân được thụ hưởng.

Chương trình 134: Tổng vốn đầu tư trên 78.281 triệu đồng để xóa 15.000 căn nhà tạm; giải quyết cho trên 4.100 hộ dân tộc thiểu số thiếu đất; đầu tư xây mới và nâng cấp 192 công trình nước tập trung, 9.229 công trình nước phân tán, cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho gần 30.550 hộ.

Chương trình các mặt hàng chính sách miền núi (Chương trình 168): Hàng cấp không thu tiền, với 134.496 khẩu được hỗ trợ^{vi}. Chương trình định canh định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng vốn 149.714 triệu đồng, đầu tư 8 điểm định canh định cư tập trung và 13 điểm định canh định cư xen ghép, sắp xếp bố trí ổn định cho trên 1.171 hộ/6.012 khẩu dân tộc thiểu số. Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg của

Thủ tướng Chính phủ: Tổng vốn 71.400 triệu đồng, đầu tư 04 dự án ổn định sắp xếp dân cư cho 4.331 hộ dân tộc thiểu số di cư tự do. Chương trình cho vay vốn: Tổng vốn 447.000 triệu đồng, giải quyết cho 24.068 hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất; 3.887 trường hợp học sinh, sinh viên, xuất khẩu lao động; 8.091 hộ vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất và 5.069 hộ vay vốn để tham gia chương trình xây dựng nhà, chương trình nước sạch vệ sinh môi trường. Chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên theo Quyết định 62/QĐ-UBND của UBND tỉnh: Tổng số vốn 90.712 triệu đồng, hỗ trợ cho 41.160 lượt học sinh, sinh viên. Chính sách đối với người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số: Tổng kinh phí 6.079 triệu đồng, bồi dưỡng, tập huấn, tham quan học tập cho 3.029 lượt người có uy tín.

Bằng các nguồn vốn, đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp 24 công trình hồ, đập thủy lợi, kiên cố hóa 29 kênh mương cho vùng dân tộc thiểu số với công suất tưới cho 4.700 ha, số hộ dân tộc thiểu số được hưởng lợi trực tiếp là 2.975 hộ.

Chương trình khuyến công được triển khai hàng năm với kinh phí bình quân 5 tỷ đồng/năm đã giải quyết việc làm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại một số xã thuần nông, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần khôi phục và phát triển một số ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động, tăng thêm thu nhập.

Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Đến nay mạng lưới giao thông đã được đầu tư cơ bản hoàn thành từ huyện đến xã, liên xã; 100% số xã có đường kiên cố đến trung tâm xã; hệ thống giao thông các tuyến Quốc lộ 20, 27, 27C, 28, 20, 55; Tỉnh lộ 725, 723, 721,... được đầu tư nâng cấp khá đồng bộ. 100% số xã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dùng điện ở nông thôn đạt trên 97%.

- Về giáo dục, y tế, văn hoá - xã hội:

+ Về giáo dục: Trong 10 năm qua, sự nghiệp giáo dục, đào tạo của tỉnh không ngừng phát triển. Đến nay, các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như huyện Đam Rông, Lạc Dương, Di Linh, Bảo Lâm, Đơn Dương... đều có mạng lưới trường lớp từ mầm non đến trung học phổ thông. Hệ thống các trường trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được kiên cố hóa, cơ bản đảm bảo đủ phòng học. Giáo dục mầm non được chú trọng tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Học sinh dân tộc thiểu số 57.696 học sinh (có khoảng 2.729 học sinh dân tộc thiểu số nội trú). Lực lượng giáo viên tại chỗ, giáo viên người dân tộc thiểu số được tăng cường. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề được hình thành khá phong phú và rộng khắp, với 33 cơ sở dạy nghề; hàng nghìn người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề/năm. Từ năm 2003 đến nay có hàng trăm em được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng. Hệ thống các trường trung học phổ thông, dân tộc nội trú tỉnh và huyện được đầu tư, đáp ứng yêu cầu giáo dục của từng ngành học,

cấp học. Toàn tỉnh hiện có 07 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện và 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh.

+ Về y tế: 100% số xã có trạm y tế; 100% xã, phường, thị trấn có bác sỹ; 100% số thôn, buôn có nhân viên y tế (được hưởng phụ cấp hàng tháng cao hơn so với mặt bằng chung cả nước). Các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng được thực hiện tốt, khoảng 98% trẻ em trong độ tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin phòng ngừa các bệnh cơ bản. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 14%. Đại đa số đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng muối i ốt phòng, chống bệnh bướu cổ. Các loại dịch bệnh nguy hiểm (sốt rét, phong, lao...) cơ bản được ngăn chặn. Thực hiện chính sách ưu tiên miễn giảm viện phí, cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho 103.685 là đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Về văn hoá: Hệ thống thông tin liên lạc đã vươn tới tận thôn, buôn; 100% xã được phủ sóng phát thanh truyền hình; 100% xã vùng III có trạm truyền thanh không dây; 87,8% thôn, buôn có loa truyền thanh. Các chương trình phủ sóng phát thanh truyền hình triển khai hiệu quả, có 82% số hộ xem được truyền hình, 100% số hộ nghe được đài phát thanh. Duy trì thời lượng phát sóng truyền hình và truyền thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt việc cấp không thu tiền một số loại báo, tạp chí đến tận thôn, buôn, xã đặc biệt khó khăn; có 100% xã có tủ sách pháp luật. 100% xã có trạm bưu điện và điểm bưu điện văn hoá được trang bị máy tính.

+ Về công tác giảm nghèo: Tỉnh đã tập trung nguồn vốn, lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để xây dựng công trình hạ tầng thiết yếu, xóa nhà tạm, giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất. Tổ chức hướng dẫn cho hộ nghèo cách làm ăn, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ vốn và cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất; cấp tập vở, muối i ốt, dầu thắp sáng cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa; miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, miễn thủy lợi phí; miễn giảm và hỗ trợ học phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo. Thực hiện và vận dụng Nghị quyết 30a của Chính phủ. Ngoài 8 xã thuộc huyện Đam Rông được đầu tư theo chương trình của Trung ương, Tỉnh đã xây dựng Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững cho 29 xã và 97 thôn có tỷ lệ hộ nghèo trên 30% để tạo điều kiện thực hiện tốt hơn công tác giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện chính sách tôn giáo:

Thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng, nhất là Nghị quyết 25-NQ/TW của BCH Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo, trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành gần 6.000 văn bản liên quan đến tôn giáo, qua đó, tạo điều kiện để giáo hội các tôn giáo hoạt động thuận lợi theo đúng Hiến chương, Điều lệ. Tỉnh giải quyết kịp thời và đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tín đồ, tạo được niềm tin trong đồng bào có đạo như: Phong chức, phong phẩm: 698 trường hợp; thuyên chuyển, bổ

nhệm: 719 trường hợp; xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự: 282 trường hợp; hợp thức hóa cơ sở: 33 trường hợp; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho: 329 trường hợp; đào tạo chức sắc: 1.986 trường hợp; chia tách 23 giáo xứ, thành lập 23 giáo xứ mới, chia tách 01 giáo hạt, thành lập 01 giáo hạt mới, xác nhận cơ sở trực thuộc dòng tu cho 68 trường hợp của đạo Công giáo; hội đồng chi hội cho 89 điểm nhóm, thành lập 03 hội nhánh của đạo Tin Lành; cấp đăng ký hoạt động cho 255/343 điểm nhóm của các hệ phái Tin Lành; cho phép các tổ chức tôn giáo tổ chức các cuộc lễ có quy mô lớn; các cá nhân và tổ chức tôn giáo nước ngoài vào thăm và hoạt động tôn giáo tại tỉnh Lâm Đồng...

Công tác vận động chức sắc, nhà tu hành và tín đồ đã được các cấp chính quyền, MTTQ và các đoàn thể quan tâm. Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị” do MTTQ phát động với nội dung toàn diện, thiết thực và cách làm phù hợp nên đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là đồng bào có đạo đã đem lại hiệu quả thiết thực. Các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác gặp gỡ, tiếp xúc, tranh thủ, vận động chức sắc, nhà tu hành. Thông qua chức sắc, nhà tu hành, người có uy tín trong tôn giáo, dân tộc để họ vận động tín đồ chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tôn giáo. Qua đó, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các chức sắc, nhà tu hành, tín đồ và tổ chức giáo hội; vừa tuyên truyền, giải thích các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước vừa gắn các hoạt động của tôn giáo với nhiệm vụ chung của tỉnh, làm cho hoạt động của tôn giáo đồng hành cùng với dân tộc, gắn bó đạo với đời. Cấp uỷ và chính quyền các cấp thường xuyên tổ chức gặp mặt, thăm hỏi, tặng quà động viên các chức sắc, nhà tu hành và gia đình tín đồ có công với cách mạng trong các dịp lễ trọng của tôn giáo hoặc khi chức sắc ốm đau hoặc qua đời... Từ đó, mối quan hệ giữa giáo hội các tôn giáo với chính quyền các cấp từng bước được gắn bó, gần gũi, hiểu biết, tin tưởng lẫn nhau và tuân thủ pháp luật, xóa bỏ định kiến mặc cảm. Đồng thời cũng động viên chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo yên tâm sinh hoạt, tích cực đóng góp nhân lực, vật lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Kết quả việc thể chế hóa các quan điểm, chính sách của Đảng về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức, về nông nghiệp, nông dân nông thôn, về công tác thanh niên

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Chương trình hành động số 57-CTr/TU, ngày 15/5/2008 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân

Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 100% các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, ban cán sự đảng, đảng đoàn đã xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động tại địa phương, đơn vị. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Công văn số 3696/UBND-VX, ngày 27/5/2008 triển khai thực hiện Chương trình hành động số 57-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của công nhân, người lao động. Ngày 25/12/2013, Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Kết luận số 79-KL/TW về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chỉ đạo các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp. Qua thực hiện Nghị quyết các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính - trị xã hội đã triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện. Vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong tỉnh được giữ vững và nâng cao, đa dạng về cơ cấu, đã hình thành ngày càng đông đảo bộ phận công nhân trí thức, phát huy rõ là lực lượng nòng cốt của khối liên minh công - nông - trí, là cơ sở chính trị vững chắc của Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân. Đội ngũ công nhân, CNVC, người lao động trên địa bàn tỉnh có sự trưởng thành về nhận thức chính trị, hiểu biết pháp luật, trình độ học vấn, tay nghề chuyên môn. Các chế độ, chính sách về bảo hiểm, lương, chăm sóc sức khỏe, an toàn lao động được đảm bảo, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, người lao động được cải thiện đáng kể. Vai trò của tổ chức Công đoàn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho CNVCLĐ được phát huy rõ nét. Các phong trào thi đua yêu nước ngày càng đi vào chiều sâu đã khơi dậy lòng yêu nước, phấn đấu vươn lên trong lao động sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ được giao trong CNVCLĐ. Quan hệ lao động trong các doanh nghiệp tương đối ổn định, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh chính trị tại địa phương. Hoạt động của các cấp công đoàn trên địa bàn tỉnh ngày càng củng cố và phát triển vững mạnh, có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, trở thành chỗ dựa tin cậy của công nhân lao động.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 68-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ngày 11/11/2016, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Đồng thời, thành lập và chỉ đạo hoạt động hiệu quả đối với Ban chỉ đạo thực hiện Kết luận số 61-KL/TW về “Nâng cao vai trò trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn

bản^{vii}, quyết định thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, Chương trình hành động số 68-Ctr/TU của Tỉnh ủy, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện. Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, bộ mặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh đã có sự chuyển biến vượt bậc. Sản xuất tiếp tục tăng trưởng ổn định theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị nông sản; cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo đúng định hướng; đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Quan hệ sản xuất nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được củng cố và đổi mới; kinh tế tập thể mà nòng cốt là hoạt động của các hợp tác xã dân được củng cố và có sự phát triển; số lượng các hợp tác xã thành lập mới và hoạt động có hiệu quả ngày càng tăng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra; kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển, phục vụ thiết thực cho sản xuất và cuộc sống của người dân; diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn và phát huy; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày một nâng lên, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 24/10/2008 về thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW về đội ngũ trí thức đồng thời Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản^{viii} lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết trên địa bàn toàn tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương, đơn vị, vận dụng các chế độ, chính sách nhằm thu hút cán bộ trí thức trẻ, trí thức có trình độ cao chuyên môn về ngành, địa phương công tác.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 67-CTr/TU, ngày 24/10/2008 “Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Trên cơ sở Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 100% các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết số 25-NQ/TW, xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể; đề ra các chỉ tiêu phấn đấu phù hợp với đặc điểm tình hình, thực tiễn của từng ngành, địa phương, cơ sở; có kế hoạch học tập, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, thanh niên. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 7860/UBND-VX, ngày 31/10/2008 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; thành lập, thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình Phát triển thanh niên Lâm Đồng; ban

hành Chương trình phát triển thanh niên Lâm Đồng các giai đoạn, hàng năm, có kế hoạch thực hiện chương trình phát triển thanh niên Lâm Đồng; chỉ đạo UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phát triển thanh niên hàng năm của địa phương, cụ thể hóa các chỉ tiêu về phát triển thanh niên gắn vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chỉ đạo các sở, ngành liên quan gắn việc thực hiện chương trình phát triển thanh niên vào nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, công tác thanh niên tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành đoàn thể về công tác thanh niên có bước chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chú trọng góp phần định hướng chính trị, giáo dục pháp luật cho thanh niên. Vai trò, vị trí của thanh niên và tổ chức Đoàn - Hội được nâng lên. Việc triển khai Chương trình phát triển thanh niên đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực xã hội cho sự phát triển thanh niên và công tác thanh niên. Công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, bố trí sử dụng cán bộ Đoàn, cán bộ trẻ được các cấp ủy quan tâm. Chính quyền, các ban ngành, đoàn thể đã tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác Đoàn - Hội - Đội được quan tâm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho thanh niên được chú trọng, công tác phát triển đảng viên từ thanh niên ngày càng tăng. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể với Đoàn Thanh niên được triển khai sâu rộng và chặt chẽ hơn. Hoạt động của Đoàn và phong trào thanh thiếu niên ngày càng được đổi mới và đi vào chiều sâu. Hoạt động đoàn kết, tập hợp thanh niên được mở rộng. Các phong trào thi đua yêu nước, xung kích phát triển kinh tế - xã hội, thanh niên lập thân lập nghiệp, thanh niên tình nguyện, tham gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo quốc phòng - an ninh chất lượng, hiệu quả hơn. Công tác phối hợp, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền có nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò, vị thế của Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên được nâng lên; chất lượng xây dựng tổ chức Đoàn - Hội, phát triển đoàn viên, hội viên được tăng cường, các thế hệ đoàn viên thanh niên từng bước trưởng thành về mọi mặt. Đội ngũ cán bộ đoàn từ tỉnh đến cơ sở từng bước được nâng cao về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác Đoàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Kết quả nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở

Bên cạnh việc chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, các cấp ủy đảng chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Ngày 18/7/2002, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban

hành Nghị quyết số 13-NQ/TU để cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”. Ngày 12/10/2006, Tỉnh uỷ Lâm Đồng ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 17-NQ/TW (thay thế Nghị quyết số 13-NQ/TU của Tỉnh uỷ khoá VII). Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra xây dựng tổ chức cơ sở đảng, hệ thống chính trị ở các địa phương, cơ sở^{ix}. UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định số 253/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Một số giải pháp củng cố kiện toàn chính quyền cơ sở các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2002 - 2010”, trọng tâm là xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và ban hành Quyết định số 51/2008/QĐ-UBND, ngày 18/11/2008 “Quy định tiêu chuẩn, đánh giá phân loại chất lượng chính quyền cơ sở”. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh cụ thể hoá chỉ đạo của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và của Tỉnh uỷ để chỉ đạo thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Các huyện uỷ, thành uỷ, tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn đã xây dựng nghị quyết hoặc kế hoạch để triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.565 thôn, tổ dân phố, tăng 973 thôn, tổ dân phố so với năm 2002; có 1.487 chi bộ ở thôn, tổ dân phố (số liệu năm 2017). Hệ thống chính trị cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được củng cố, chất lượng tổ chức cơ sở đảng ở thôn, buôn được nâng cao. Đến nay, toàn tỉnh có 4.480 đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số. MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm đến phát triển đoàn viên, hội viên là đồng bào dân tộc thiểu số; hiện nay, có 98.146 đoàn viên, hội viên; toàn tỉnh có 1.627 Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp là người dân tộc thiểu số; trong đó, cấp tỉnh có 12 người, cấp huyện có 166 người, cấp xã 1.449 người; đồng thời quan tâm đến việc lựa chọn, bồi dưỡng và phát huy vai trò của già làng, người có uy tín và nhân sĩ, trí thức; đã xây dựng được 489 người có uy tín cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhìn chung, các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể ở cơ sở đã đã nhận thức và xác định rõ hơn vị trí, chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở; trong đó, tổ chức đảng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, MTTQ và các đoàn thể. Các đảng bộ xã, phường, thị trấn đã quán triệt, thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ở cơ sở. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở đảng yếu kém gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở có sự chuyển biến tích cực; nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở đã có sự đổi mới và chất lượng được nâng lên. Nhiều nơi đã bổ sung, hoàn thiện

Quy chế làm việc và Quy chế phối hợp giữa tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể; khắc phục dần biểu hiện ỷ lại, bao biện làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng; nền nếp sinh hoạt đảng từng bước đổi mới, nâng lên, nội dung sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, làm cho nội dung sinh hoạt đúng quy định, phong phú, hiệu quả hơn. Hoạt động HĐND và UBND xã, phường, thị trấn có chuyển biến, hoạt động giám sát của HĐND bước đầu đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giám sát, kết hợp giám sát chung với giám sát có trọng tâm, trọng điểm. Bộ máy chính quyền cơ sở bước đầu phát huy hiệu quả trong việc quản lý, điều hành theo pháp luật, năng động hơn trong việc cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Bầu cử HĐND các cấp các nhiệm kỳ đã thực hiện đúng luật, an toàn, tiết kiệm, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tỷ lệ cử tri đi bầu cử cao; cơ cấu, thành phần đại biểu trúng cử đạt theo yêu cầu đề ra (cán bộ nữ, trẻ, người dân tộc, người ngoài Đảng). Trình độ văn hoá, lý luận chính trị, chuyên môn của đại biểu HĐND được nâng lên so với các nhiệm kỳ trước. MTTQ và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn đã có bước đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của mình, ngày càng đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, đem lại lợi ích thiết thực cho đoàn viên, hội viên. Ủy ban MTTQ ở nhiều nơi đã phối hợp tốt với các ngành, đoàn thể trong thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo, xây dựng các quy ước, hương ước trong cộng đồng dân cư.

Việc lãnh đạo xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn được đẩy mạnh và từng bước đi vào nền nếp. Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả, nhất là ở các thôn, buôn, tổ dân phố, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đông đồng bào theo đạo, vùng có ít hoặc chưa có đảng viên; từ năm 2002 đến nay, các xã, phường, thị trấn đã kết nạp được 4.161 đảng viên mới; nâng 37 chi bộ cơ sở xã thành đảng bộ cơ sở; thành lập mới 672 chi bộ thôn, tổ dân phố; xoá được 92 thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường, thị trấn và các thôn, tổ dân phố được tập trung chỉ đạo. Từ năm 2002 đến nay, đã đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp và cao cấp) cho 2.128 cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, có 14.324 lượt cán bộ chuyên trách, công chức cơ sở và những người không chuyên trách ở cơ sở được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Đến nay, trình độ của đội ngũ cán bộ ở cơ sở được nâng lên, số cán bộ có trình độ đại học ở xã, phường, thị trấn ngày càng tăng. Phong cách, ý thức trách nhiệm và lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở có chuyển biến theo hướng sát dân, có trách nhiệm với dân, góp phần củng cố lòng tin, sự đồng thuận của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

6. Kết quả đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Kết quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, thái độ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan nhà nước đối với nhân dân, giải quyết đúng đắn, nhanh chóng các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống nhân dân, đảm bảo đúng chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng đẩy mạnh quán triệt và thực hiện nghiêm túc các hoạt động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 15/4/2011 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ” gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện của các tổ chức cơ sở đảng, việc xây dựng bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu hàng năm của cán bộ, đảng viên; từ đó xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định 04-QĐ/TU về “Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng về việc tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” nhằm tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 24-CT/TU về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới”; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1030/QĐ-UBND “Quy định về tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh”. Năm 2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập các đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị đối với một số cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở.

Cấp ủy các cấp đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng chính đáng của nhân dân để kịp thời giải quyết theo quy định của pháp luật. Các cấp chính quyền đã làm tốt những việc phải công khai cho nhân dân biết theo đúng quy định.

Vai trò làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy tốt hơn thông qua việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trước khi xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của chính quyền. Bên cạnh đó, trước, trong và sau mỗi kỳ họp Quốc hội, kỳ họp HĐND các cấp, UBND tỉnh đều chỉ đạo, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cũng như cử lãnh đạo UBND tỉnh tham gia cùng với đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri để lắng nghe, tâm tư nguyện vọng của cử tri, từ đó ghi nhận để giải quyết theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành nhằm đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý, giám sát đối với các hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, tập trung công khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các khoản thu ngân sách và các nguồn thu khác; các quy định, quy chế làm việc của cơ quan; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính; phân công công việc và chế độ trách nhiệm; chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm...

Chính quyền các cấp trong tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đối thoại, tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân. UBND tỉnh đã thành lập Ban tiếp công dân trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. Công tác đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân được các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện; làm tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ở cơ sở; chủ động nắm tình hình và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, công dân nhanh chóng, kịp thời, nhất là khi có khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, phức tạp; thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân và tiếp thu, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri nhanh chóng, kịp thời, theo đúng quy định. UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, giao Thanh tra tỉnh thành lập đoàn thẩm tra, xác minh, tham mưu, đề xuất hướng giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính (CCHC), đồng thời tăng cường công tác dân vận trong công tác CCHC, đảm bảo định hướng dân chủ, công khai, minh bạch, thuận lợi, dễ hiểu, dễ thực hiện; hạn chế những nhiễu, gây phiền hà cho công dân và tổ chức. Hàng năm, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch về CCHC, về tuyên truyền CCHC và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện; chỉ đạo Sở Nội vụ tổ chức khảo sát, lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân về CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện

ngày càng tăng lên^x đã cho thấy công tác CCHC của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, được đông đảo nhân dân và doanh nghiệp đồng tình ủng hộ.

Bên cạnh đó, chính quyền các cấp đã chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng và có nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự chuyển biến trong tác phong, lề lối làm việc theo phương châm “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”. Trên tinh thần “Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”, góp phần phòng, chống quan liêu, tham nhũng; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và nâng cao chất lượng thực thi công vụ, giảm dần tình trạng quan liêu, mệnh lệnh hành chính. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính.

7. Kết quả đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đã thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; thực hiện chức năng tham mưu và làm nòng cốt trong việc nắm bắt tình hình nhân dân, dư luận xã hội, tình hình dân tộc, tôn giáo, trí thức, doanh nhân, thân nhân người Lâm Đồng sống ở nước ngoài, nhất là các địa bàn có nhiều khiếu nại, tố cáo và có những vấn đề bức xúc trong nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 217, 218 của Bộ Chính trị (khóa XI) về thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; làm tốt công tác tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Quy định người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền đối thoại với nhân dân theo tinh thần Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Quy định số 1847-QĐ/TU của Tỉnh ủy^{xi}. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn; việc kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở và địa bàn dân cư được MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thực hiện có hiệu quả theo hướng sát nhập, giảm đầu mối, gắn với xác định vị trí việc làm đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo, tăng cường phát huy vai trò chuyên viên. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; chú trọng công tác phát triển đoàn viên, hội viên, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn thôn, tổ dân phố; đồng thời, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng trong giám sát các chương trình, dự án đầu tư ở địa bàn khu dân cư. Tham gia công tác tuyên truyền, vận động từng bước xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số như:

nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội...

Tăng cường phương thức phối hợp, thống nhất hành động thông qua hoạt động ký kết, sơ kết, tổng kết các nghị quyết liên tịch, chương trình, kế hoạch liên ngành với các cơ quan chính quyền trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, với Lực lượng vũ trang thông qua Ban Chỉ đạo Chương trình phối hợp giữa Bộ CHQS các cấp với các tổ chức chính trị - xã hội các cấp (*Cấp tỉnh gọi là Ban chỉ đạo 502*)^{xii} thực hiện tốt trách nhiệm, tuyên truyền vận động cán bộ, chiến sỹ và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; thường xuyên tiến hành công tác dân vận, giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giảm nghèo, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, củng cố tăng cường tình đoàn kết quân dân.

Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước theo hướng tập trung về cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, hấp dẫn, phù hợp với từng thành phần xã hội, từng vùng và địa bàn dân cư; trọng tâm là nâng cao chất lượng các cuộc vận động như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Ngày vì người nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các phong trào “CCB gương mẫu”, “Nông dân thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, “Lao động giỏi - Lao động sáng tạo”, “năng động, sáng tạo, đi đầu” “Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”... Đồng thời phối hợp với chính quyền, các ban ngành vận động nhân dân tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, đảm bảo quốc phòng, bảo vệ an ninh Tổ quốc... Phong trào thi đua “Dân vận khéo” và “Dân vận khéo” thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực triển khai, vận động nhân dân tham gia, nhiều mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực^{xiii} của đời sống xã hội mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá, giảm nghèo bền vững. Qua tổng kết 5 năm phong trào thi đua “Dân vận khéo” giai đoạn 2011 - 2015, trên địa bàn toàn tỉnh có 2.524 mô hình, điển hình “Dân vận khéo”. Trong đó: 1.851 mô hình, điển hình tập thể và 673 mô hình, điển hình cá nhân đã được công nhận. Bình quân mỗi thôn, tổ dân phố, mỗi cơ quan đơn vị đều có 01 mô hình.

Bên cạnh đó, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả các hoạt động công tác xã hội, nhân đạo, từ thiện đối với các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách nhân các ngày Lễ, Tết. Hàng năm tổng trị giá công tác nhân đạo, an sinh xã hội MTTQ, các đoàn thể chính trị xã hội thực hiện lên đến hàng chục tỷ đồng góp phần thực hiện tốt đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách”... MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đã chú trọng việc phát huy vai trò nòng cốt xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hàng năm vào ngày 18/11, tổ chức hoạt động Ngày hội Đại đoàn kết ở khu dân cư; thường xuyên vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, làm thất bại âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhận thức của hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực, là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự đồng thuận trong nhân dân về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh.

Kinh tế - xã hội của tỉnh có sự phát triển nhanh chóng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống tinh thần vật chất của nhân dân ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội được tăng cường, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, không để xảy ra điểm nóng, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở các vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo được chú trọng góp phần khắc phục sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, miền, khu vực; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện mới

Hệ thống chính trị ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng được nâng cao, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đưa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” tiếp tục đi vào cuộc sống, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, dân sinh, dân chủ ở cơ sở; cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên tổ chức có hiệu quả việc đối thoại với nhân dân.

Mặt trận, đoàn thể và hội quần chúng đã tăng cường thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng mạnh về cơ sở; thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; phát huy khá tốt vai trò của nhân dân trong giám sát, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Hệ thống tổ chức MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn, củng cố; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đồng thuận xã hội.

Các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thực hiện đi vào nền nếp và

từng bước nâng cao chất lượng. Nhiều mô hình, điển hình “Dân vận khéo” thực sự lan tỏa trên mọi mặt đời sống xã hội, đã thu hút, tập hợp, động viên, khích lệ sự tham gia, cống hiến của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh góp phần xây dựng sự đồng thuận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện đại đoàn kết dân tộc chưa sâu rộng và thường xuyên. Một số địa phương, đơn vị ban hành văn bản triển khai thực hiện các chủ trương của Trung ương và tỉnh về đại đoàn kết còn chậm; nội dung cụ thể hóa Kết luận, Nghị quyết về đại đoàn kết còn chung chung, nặng về hình thức.

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhìn chung chưa thật sự vững chắc, liên minh công - nông - trí thiếu tính gắn kết, chênh lệch về đời sống vật chất, tinh thần giữa thành thị và vùng sâu vùng xa còn khoảng cách lớn, phân hóa giàu nghèo trong các thành phần xã hội chưa được thu hẹp đáng kể.

Việc nắm bắt, phản ánh, phối hợp tham mưu, chỉ đạo giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; phân tích, dự báo diễn biến tình hình, nhất là những vấn đề bức xúc, phức tạp nổi cộm liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, có lúc, có nơi chưa cụ thể, chính xác, kịp thời, thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Đời sống một bộ phận nhân dân ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng một số địa phương còn chưa đồng bộ.

Việc phát huy vai trò của chính quyền trong thực hiện chính sách đại đoàn kết có nơi, có lúc hiệu quả chưa cao. Công tác dân vận chính quyền đã có sự chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu và sự kỳ vọng của nhân dân; công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn nhiều bất cập; vẫn còn một bộ phận cán bộ công chức thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà, khó khăn cho các tổ chức và cá nhân khi đến liên hệ công việc.

Hệ thống chính trị ở cơ sở chưa thật sự vững mạnh toàn diện. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, nhất là việc cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng ở địa phương; có nơi còn lúng túng, bị động, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Chất lượng hoạt động của HĐND huyện, xã còn hạn chế. Việc quản lý điều hành của chính quyền cơ sở theo pháp luật còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể ở cơ sở tuy đã có chuyển biến, nhưng nhìn chung chưa hiệu quả, nhất là tổ chức đoàn thanh niên. MTTQ và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn chưa nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên; một số nơi bị kẻ xấu lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để truyền đạo trái phép, tuyên truyền, lôi kéo quần chúng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc, từ đó thiếu quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kết luận, Nghị quyết.

Một số nơi, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở chưa thực sự sát dân, không nắm được diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chưa gắn liền với giải quyết những bức xúc, nhu cầu chính đáng của nhân dân... Bên cạnh đó, các luồng thông tin dư luận, các trang mạng xã hội của các thế lực thù địch, chống phá luôn tác động tiêu cực đến quần chúng nhân dân.

Cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa đề cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước các cấp; có nơi còn “khoán trắng” công tác vận động quần chúng cho MTTQ và các đoàn thể.

Chế độ, chính sách cho cán bộ ở cơ sở, thôn, khu phố còn những bất cập.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, xác định rõ xây dựng, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phát huy rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, công tác tuyên truyền, vận động của MTTQ và các tổ chức thành viên; xây dựng vững chắc mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Hai là, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, công bằng xã hội gắn với phát huy dân chủ, phát huy vai trò làm chủ thực sự của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội.

Ba là, có cơ chế, chính sách phù hợp phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp, thành phần xã hội, củng cố vững chắc liên minh công - nông - trí, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, doanh nhân, tạo sự đồng thuận xã hội vì mục tiêu chung xây dựng quê hương phát triển bền vững, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân của các tổ chức chính trị - xã hội. MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sâu sát quần chúng, cơ sở, quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người dân và là “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với dân, góp phần làm cho mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân ngày càng khăng khít, đảm bảo “ý Đảng” luôn hợp với “lòng dân”.

Năm là, Nâng cao tinh thần cảnh giác, sự nhạy bén trong nhận diện và kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ địa bàn dân cư.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân về tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Xác định rõ xây dựng vững chắc khối đoàn kết dân tộc là yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc gắn với việc tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ máu thịt của nhân dân với Đảng và Nhà nước; kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh gắn với thực hiện hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; động viên, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, thành phần xã hội tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thi đua sản xuất kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề xã hội, dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; tập trung xây dựng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ, chức sắc tôn giáo, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thu hẹp khoảng cách về đời sống, thu nhập, hưởng thụ giữa các vùng, các dân tộc.

4. Tăng cường tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới, trọng tâm là: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính theo quy định. Chú trọng phát huy quyền làm chủ, lấy ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách và quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, chính

quyền các cấp. Tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức thực sự là “công bộc” của nhân dân, luôn lắng nghe ý kiến của nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành, chống tiêu cực tham nhũng, gây phiền hà cho nhân dân. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân, giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị, nguyện vọng, lợi ích chính đáng và đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

5. Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động, đoàn kết tập hợp nhân dân các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài phù hợp, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả; chú trọng xây dựng, củng cố liên minh công nhân, nông dân, trí thức; khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; mở rộng dân chủ, phát huy vai trò nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Nâng cao vai trò, trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đoàn viên, hội viên; đổi mới công tác nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng các tầng lớp nhân dân; chủ động đề xuất, kiến nghị với cấp ủy, phối hợp với chính quyền giải quyết những tâm tư, nguyện vọng chính đáng, những vấn đề bức xúc trong nhân dân, không để xảy ra điểm nóng, diễn biến tình hình phức tạp, nhất là trên lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, học sinh, sinh viên, công nhân, lao động.

6. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân để xác định nội dung, cách thức phát động thi đua sát thực tế của địa phương, đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chú trọng phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các phong trào do MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội phát động với nhiều hình thức phong phú, nội dung thiết thực, hiệu quả. Việc xây dựng, đánh giá tổng kết, nhân rộng các mô hình, điển hình dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu dân cư kiểu mẫu cần đi vào chiều sâu, có tính bền vững; kịp thời khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong lao động, sản xuất và trong công tác.

7. Xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị các cấp, nhất là hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết số

39-NQ/TW của Bộ Chính trị, bảo đảm đủ năng lực lãnh đạo, điều hành và quản lý có hiệu quả mọi mặt của đời sống xã hội. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện Kết luận, Nghị quyết về đại đoàn kết dân tộc. Định kỳ sơ kết, tổng kết kịp thời rút kinh nghiệm và đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với thực tiễn. LC

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (b/c),
- Ban Dân vận TW (Hà Nội, T78) (b/c),
- Các Ban xây dựng Đảng TU,
- Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trực thuộc TU,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU, XD2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Đức Quận

ⁱ Hàng năm, Tỉnh ủy đều ban hành Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng; đồng thời ban hành các nghị quyết, kết luận về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và các huyện, thành phố giai đoạn 2006 - 2010, giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020; các văn bản chỉ đạo việc thực hiện phát triển các nhóm lĩnh vực cụ thể qua từng giai đoạn như du lịch - dịch vụ, đổi mới môi trường đầu tư, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển đô thị; các chế độ, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo...

ⁱⁱ Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân 82,6%, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 60,4%, số bác sĩ/vận dân 7,3 bác sĩ; Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh 88%, tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 70%; Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý 88%; Tỷ lệ độ che phủ của rừng 54%...

ⁱⁱⁱ Nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018, tổ chức thăm hỏi, tặng quà đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, cận nghèo và lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền quà tặng và trợ cấp Tết từ nguồn ngân sách nhà nước và xã hội hóa 33.099,5 triệu đồng; ngoài ra, các tổ chức, cá nhân, đơn vị đã tặng 43.435 suất quà cho các đối tượng trị giá 13,69 tỷ đồng. MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh đã thăm và tặng 14.307 suất quà, với tổng số tiền là 4.128,2 triệu đồng. Tổ chức các hoạt động nhân Ngày người cao tuổi và ngày Người khuyết tật; tổ chức trao Thiếp mừng thọ tròn 100 tuổi của Chủ tịch nước cho 60 cụ và Thư chúc thọ tròn 90 tuổi của Chủ tịch UBND tỉnh cho 737 cụ với tổng kinh phí thực hiện 419,5 triệu đồng.

^{iv} Đến cuối năm 2018, có 87/116 xã (75%) đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân đạt 17,3 tiêu chí/xã; có thêm huyện Đức Trọng được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hộ nghèo còn 2,91% (giảm 3.100 hộ, tương đương 1,0% so với cuối năm 2017), riêng đồng bào dân tộc thiểu số còn 9,56% (giảm 1.400 hộ, tương đương 2%).

^v Quyết định 70/2001/QĐ-UB ngày 04/8/2001 về hỗ trợ kinh phí làm nhà cho đồng bào dân tộc ít người gốc bản địa thuộc khu vực đặc biệt khó khăn; Quyết định số 163/2002/ ngày 29/11/2003 về phê duyệt phương án giải quyết đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Lâm Đồng. Ngày 04/10/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành 03 Quyết định số 178/2004/QĐ-UB, 179/2004/QĐ-UB, 180/2004/QĐ-UB về phê duyệt đề án giải quyết đất sản xuất, đất ở; nước sinh hoạt, hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Ngày 12/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 184/2005/QĐ-UBND về trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên dân tộc đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp dạy nghề. Ngày 05/04/2007 ban hành Quyết định số 1066/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng. Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh quy định mức trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên của tỉnh Lâm Đồng đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh quy định hạn mức bình dân giao đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn ĐBKK trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn ĐBKK trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ trực tiếp thuộc chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 3960/KH-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 tỉnh Lâm Đồng. Kế hoạch số 2238/KH-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với ĐBDTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020 và đến năm 2025. Kế hoạch triển khai thực hiện quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng ĐBDTTS" trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Phê duyệt danh sách người có uy tín trong ĐBDTTS tỉnh Lâm Đồng hàng năm. Phê duyệt phương án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trực tiếp và trợ giá cây trồng trên địa bàn tỉnh hàng năm. Chỉ đạo thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, mua sắm nông cụ, nước sinh hoạt cho ĐBDTTS trên địa bàn tỉnh hàng năm. Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Ngày 29/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2117/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020.

^{vi} Cấp 88.454 cuốn vở học sinh, 110.166 bộ sách giáo khoa, khám cấp thuốc cho 1.325.616 lượt người, cấp 16.600 tấn muối Iốt, 52.880 lít dầu lửa, 24.139 máy thu thanh đơn giản, 49 trạm truyền thanh không dây, bổ sung 1.156 cụm loa và 10 hệ thống biên tập dữ liệu; hỗ trợ tiền điện thấp sáng kinh phí 1.766 triệu đồng. Hàng trợ cước, trợ giá, gồm: trợ cước vận chuyển 18.404 tấn muối, 35.838 tấn phân bón; 1.770 tấn lúa giống, 432 tấn bắp giống, 2.041 ha điều ghép, 1.705 ha chè, 791 ha giống dâu tằm, 678 ha giống cà phê và hồ tiêu, 249 ha cây ăn quả, 40 ha cây ca cao, 110 ha cây cao su, 30 ha măng tre diên trúc. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm: thu mua 1.586 tấn bắp, 3.894 tấn chè búp tươi.

vii Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nông nghiệp nông thôn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 tại Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh, Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 21/7/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng, về việc phê duyệt Đề án rà soát phát triển thủy lợi nhỏ vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2020...

viii Tỉnh ủy đã ban hành:

+ Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 20/10/2008 “về đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”.

+ Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 24/10/2008 về “xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

+ Nghị quyết 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy “về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017 - 2020 định hướng đến năm 2025”.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

+ Quyết định số 3159/QĐ-UBND, ngày 24/11/2008 về việc ban hành đề án đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

+ Quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 20/3/2009 về việc quy định chế độ trợ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức đi học trong nước.

+ Quyết định số 2450/QĐ-UBND, ngày 31/10/2011 phê duyệt danh sách 05 đội viên trí thức trẻ tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND các xã theo Dự án 600 thuộc huyện Đam Rông.

+ Công văn số 7861/UBND, ngày 31/10/2008 để chỉ đạo, phân công các ngành, các cấp triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) và Chương trình hành động số 66-CTr/TU ngày 24/10/2008 của Tỉnh ủy.

ix Kết luận 277-KL/TU ngày 13/8/2004, về tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 14/10/2008 của BTV Tỉnh ủy về việc “Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác xây dựng TCCSD”; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 19/4/2011 của BTV Tỉnh ủy về việc “Nâng cao chất lượng TCCSD và đảng viên nhiệm kỳ 2010 - 2015”.

x Năm 2013 là 73,11% (sở, ngành), 74,90% (cấp huyện), năm 2015 là 85,68% (sở, ngành), 81,18% (cấp huyện), năm 2017 là 86,78% (sở, ngành), 83,43 (cấp huyện). Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện: chỉ số về năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh Lâm Đồng năm 2011 xếp thứ 61/63 tỉnh, thành phố, năm 2017, Lâm Đồng xếp hạng 22/63 tỉnh, thành phố, dẫn đầu khu vực Tây Nguyên.

xi Hàng năm, lãnh đạo tỉnh tổ chức Diễn đàn đối thoại với cán bộ Đoàn chuyên trách; Năm 2016, tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đối thoại trực tiếp với đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng. Năm 2017, tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đại biểu doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ chức Hội nghị đối thoại với thanh niên với chủ đề “Thanh niên Lâm Đồng khởi nghiệp và chung tay bảo vệ môi trường”; tổ chức đối thoại với đại biểu công nhân, viên chức, người lao động. Năm 2018, tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với Đại biểu nông dân...

xii BCD 502 cấp tỉnh và các cấp đã tiến hành các đợt công tác dân vận qua các năm, huy động nguồn lực đạt từ 1 tỷ - 2 tỷ/ năm hỗ trợ các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhiều khó khăn...

xiii Mô hình “Nhà lồng, nhà kính sản xuất rau, hoa công nghệ cao” ở Đà Lạt, Đơn Dương; mô hình “Cánh đồng mẫu lớn”, “Hai lúa, một bắp” ở huyện Đạ Tẻh, Cát Tiên; “Tái canh cây cà phê” ở Bảo Lâm; “Chăn nuôi bò sữa” ở Đơn Dương, Bảo Lộc... Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội có các mô hình: “mỗi tổ chức, cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo” của Hội chữ thập đỏ; “Hiếu đễ tri ân” của Hội người cao tuổi huyện Đạ Tẻh; “Vận động nhân dân xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc” ở xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương... Trên lĩnh vực an ninh trật tự và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh các mô hình: “Tiếng kèn an ninh” ở huyện Đức Trọng; “Tổ tuần tra, dân cù, dân nuôi” ở Lâm Hà; “Camera an ninh” ở thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc “Giáo họ không có người vi phạm pháp luật” ở Thành phố Bảo Lộc; “Thắp sáng đường quê” ở huyện Bảo Lâm; “Ngày thứ bảy vì dân” ở huyện Di Linh...